| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ TIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 05-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Mạc Văn Hên.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Ông Trương Thế Lộc.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Đào Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: số 331/3, đường N, khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

*2. Bị đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 01, ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

*3. Người làm chứng*:

- Ông Nguyễn Thanh T. Địa chỉ: Khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Võ Thị Đ. Địa chỉ: Khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Trương Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Võ Hoàng A, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 22/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày*: Vào năm 2016, bà có cho bà N vay 30.000.000 đồng, đến ngày 24/7/2016 bà tiếp tục cho bà Lê Thị N vay 50.000.000 đồng và làm biên nhận nợ là vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, mục đích vay để làm ăn mua bán. Năm 2017, bà N trả tiền gốc 30.000.000 đồng không có người làm chứng và năm 2018 trả tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng có người làm chứng, tổng cộng bà N trả cho bà tiền gốc là 50.000.000 đồng thì không trả nữa, bà yêu cầu bà N trả số tiền còn lại 30.000.000 đồng nhưng bà N không trả và cho rằng không còn nợ số tiền trên nên bà căn cứ vào giấy vay tiền ngày 24/7/2016 để khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền gốc 60.000.000 đồng. Ngày 07/5/2019 bà có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc 30.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ 2.000.000 đồng tiền lãi đã nhận trước đó vào tiền gốc.

Nay bà yêu cầu bà N thanh toán số tiền gốc 28.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn bà Lê Thị N trình bày*: Vào ngày 24/7/2016, bà có vay của bà Đào Thị L số tiền 50.000.000 đồng, hàng tháng bà phải đóng lãi cho bà L 7.500.000 đồng, bà đóng được 12 tháng bằng 90.000.000 đồng, ngày 27/7/2017 bà trả tiền gốc cho bà L 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng, bà tiếp tục đóng lãi cho bà L hàng tháng là 3.000.000 đồng, đóng được 14 tháng bằng 41.000.000 đồng, ngày 15/10/2018 bà trả tiền gốc cho bà L 20.000.000 đồng. Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên bằng màu mực đỏ trong giấy vay tiền ngày 24/7/2016 là của bà nhưng thực tế bà chỉ vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng không phải vay 80.000.000 đồng.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà thanh toán tiền gốc 28.000.000 đồng bà không đồng ý và yêu cầu Tòa án xem xét lại các khoản tiền lãi mà bà đã đóng cho bà L.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và quá trình tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 24/7/2016 thể hiện bà N có vay của bà L số tiền 80.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà N cho rằng bà chỉ vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, bà đã thanh toán xong và đóng lãi được 131.000.000 đồng, bà yêu cầu xem xét lại các khoản tiền lãi đã đóng nhưng bà không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, tại phiên tòa bà L thừa nhận có nhận tiền lãi 2.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ vào tiền gốc, bà chỉ yêu cầu bà N thanh toán 28.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà N thanh toán cho bà L tiền gốc 28.000.000 đồng, ghi nhận ý kiến của bà L không yêu cầu tính lãi. Do bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc 30.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền này. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này bị đơn bà Lê Thị N cư trú tại ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 24/7/2016, bà Đào Thị L có cho bà Lê Thị N vay số tiền 80.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ, sau đó bà N đã thanh toán cho bà L tiền gốc 50.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng thì không thanh toán nữa nên phát sinh tranh chấp.

[3] Tại phiên tòa, bà N không thừa nhận có vay của bà L số tiền 80.000.000 đồng, bà nại ra rằng bà chỉ vay của bà L 50.000.000 đồng, bà đã thanh toán xong. Ngoài ra, bà N còn cho rằng bà đã đóng lãi cho bà L được 131.000.000 đồng nhưng bà không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lại các khoản tiền lãi mà bà đã đóng cho bà L. Xét thấy, tại giấy vay tiền đề ngày 24/7/2016 thể hiện bà N vay của bà L số tiền 80.000.000 đồng và tại phiên tòa, bà N cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên bằng màu mực đỏ trong giấy vay tiền là của bà. Tại phiên tòa, bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng mà bà đã nhận vào tiền gốc 30.000.000 đồng, bà chỉ yêu bà Nhanh thanh toán 28.000.000 đồng. Do đó, cần buộc bà N thanh toán cho bà L tiền gốc 28.000.000 đồng là có căn cứ, ghi nhận ý kiến của bà L không yêu cầu tính lãi.

[4] Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2019, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N thanh toán tiền gốc 60.000.000 đồng nhưng tại đơn xin rút lại một

phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/5/2019, cũng như tại phiên tòa bà L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc 30.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà L về tiền gốc 30.000.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Thị N thanh toán cho bà Đào Thị L tiền gốc 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L đối với tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Đào Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008844 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mạc Văn Hên**